



Tuyên Quang, ngày 18 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thuế bảo vệ môi trường ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách

tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ban kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy định về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi điểm e, khoản 2 Điều 9 như sau:

“e. Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội theo phân cấp:

- Chi thực hiện công tác huấn luyện dân quân, tự vệ; chi cho công tác an ninh, quốc phòng;

- Chi trả chế độ phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác của cán bộ, dân quân tự vệ theo Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ”.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

- Sửa đổi tên khoản thu “Thuế nhà, đất” thành “Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp” và sửa đổi tên khoản thu “Phí xăng, dầu” thành “Thuế bảo vệ môi trường”.

- Bổ sung Mã chương thuộc ngân sách Trung ương đối với một số khoản thu (có Phụ lục kèm theo).

Các nội dung khác ngoài nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn được thực hiện theo Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2012./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Lưu VT, CV VP HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang

Sửa đổi, bổ sung quy định phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015
(Kèm theo Nghị quyết số 07/2012/NQ-HĐND ngày 18/7/2012 của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4)



| Số TT | NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU | Tỷ lệ phân trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện | | | | | |
|-------|--|--|-----------------------|--------------|---------------------|--------------------|--------------|
| | | Ngân sách tỉnh | Thành phố Tuyên Quang | | | Các huyện còn lại | |
| | | Ngân sách Thành phố | Ngân sách Phường | Ngân sách xã | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách Thị trấn | Ngân sách xã |
| 1 | CÁC KHOẢN THU PHẦN CHIA GIỮA NSTW VÀ NSDP THEO LUẬT NS (Phần điều tiết cho NSDP được hưởng theo Luật NSNN) | | | | | | |
| 1 | Thuế giá trị gia tăng của các tổ chức và cá nhân (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu) | | | | | | |
| d | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp của các tổ chức và cá nhân (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành) | | | | | | |
| d | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | |
| 4 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (thu từ dịch vụ hàng hoá sản xuất trong nước, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết). | | | | | | |
| d | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | |

| Số TT | NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU | Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu theo cấp thực hiện | | | | | | | |
|-------|--|--|-----------------------|--------------|---------------------|--------------------|--------------|--|--|
| | | Ngân sách tỉnh | Thành phố Tuyên Quang | | Các huyện còn lại | | | | |
| | | Ngân sách Thành phố | Ngân sách Phường | Ngân sách xã | Ngân sách cấp huyện | Ngân sách Thị trấn | Ngân sách xã | | |
| II | CÁC KHOẢN THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG 100% THEO LUẬT NSNN | | | | | | | | |
| 2 | Thuế tài nguyên | | | | | | | | |
| d | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | | | |
| 3 | Thuế Môn bài | | | | | | | | |
| d | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | | | |
| 4 | Thuế sử dụng đất nông nghiệp | | | | | | | | |
| d | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | | | |
| 5 | Tiền sử dụng đất | | | | | | | | |
| c | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | | | |
| 6 | Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và xã hội khác. | | | | | | | | |
| c | - Mã chương thuộc cấp Trung ương | 100 | 100 | | 100 | | | | |